

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN NAM TRỰC  
TỈNH NAM ĐỊNH

Bản án số: 29/2024/HNGĐ-ST

Ngày 17-4-2024

V/v: “Ly hôn giữa chị C  
và anh N”

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM TRỰC, TỈNH NAM ĐỊNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thúy Nga.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Thế Bình;

Ông Phạm Văn Quang.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Hồng - Thư ký Toà án nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Nguyệt - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Nam Trực, Toà án nhân dân huyện Nam Trực xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 183/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2023 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 11 tháng 03 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 28 tháng 03 năm 2024, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1981; Địa chỉ: thôn V, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định;

**Bị đơn:** Anh Bùi Trung N, sinh năm 1981. Địa chỉ: thôn V, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

Người làm chứng: Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1960 (mẹ đẻ anh N); Địa chỉ: thôn V, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

(Chị C vắng mặt có lý do; anh N vắng mặt không có lý do)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 08-11-2023, bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị C và anh Bùi Trung N đăng ký kết hôn với nhau ngày 17-03-2023 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Nam Định trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Chị và anh N đến với nhau khi trước đó chị đã ly hôn chồng và anh N ly hôn vợ trước. Sau khi kết hôn, vợ

chồng chung sống đến ngày 20-03-2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh N hay uống rượu đập phá và chửi bới chị. Từ ngày 30-4-2023 vợ chồng đã sống ly thân cho đến nay. Nay chị C nhận thấy tình cảm của chị đối với anh N không còn, thực sự đã đổ vỡ không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ nên đề nghị Tòa án cho chị ly hôn anh Bùi Trung N.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

Về tài sản và nghĩa vụ tài sản chung: Chị C xác nhận vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho bị đơn anh Bùi Trung N Thông báo thụ lý vụ án số 183/2023/TB-TLVA ngày 10 tháng 11 năm 2023 và niêm yết Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và các văn bản tố tụng khác cho anh N. Anh N đã biết được quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng quá trình giải quyết vụ án, anh N không đến Tòa án làm việc và cũng không gửi văn bản ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị C.

Qua xác minh nguyên nhân mâu thuẫn của chị C và anh N tại nơi cư trú: Đại diện Ủy ban nhân dân xã N cho biết anh Bùi Trung N có hộ khẩu thường trú tại thôn V, xã N, huyện N. Anh N và chị Nguyễn Thị C có đăng ký kết hôn ngày 17-03-2023 tại Ủy ban nhân dân xã N. Quá trình chung sống vợ chồng anh N chị C mâu thuẫn như thế nào, nguyên nhân từ đâu địa phương không nắm rõ do các đương sự không thông qua hòa giải tại cơ sở. Hiện nay anh N đi làm công ty, đại diện Ủy ban đã cử cán bộ tổng đạt văn bản của Tòa án cho anh N nhưng không gặp được anh N, người nhà không nhận thay các văn bản cho anh N.

Tại biên bản lấy lời khai người làm chứng bà Nguyễn Thị V trình bày: bà là mẹ đẻ anh Bùi Trung N, anh N và chị Nguyễn Thị C có đăng ký kết hôn ngày 17-03-2023 tại Ủy ban nhân dân xã N. Sau khi kết hôn được khoảng một tháng thì vợ chồng mâu thuẫn, chị C về nhà mẹ đẻ từ tháng 4/2023. Anh N đi làm công ty từ sáng đến tối mới về, anh N đã nhận được thông báo thụ lý vụ án và giấy triệu tập của Tòa án. Việc ly hôn là của chị C và anh N bà không có ý kiến gì, bà không liên quan nên bà không nhận thay các văn bản của Tòa án cho anh N.

Vì lý do công việc bận nên chị C có đơn đề nghị xin vắng mặt tại phiên tòa xét xử.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định phát biểu ý kiến:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trước khi Hội đồng xét xử nghị án đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết

326/2016/NQ- UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị C và anh Bùi Trung N.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

Về tài sản và nghĩa vụ tài sản chung: Vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Buộc chị Nguyễn Thị C phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Bùi Trung N đã được tổng đạt văn bản hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị C, anh N là phù hợp với quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị C và anh Bùi Trung N là quan hệ hôn nhân hợp pháp vì được xây dựng trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Nam Định đăng ký kết hôn ngày 17-03-2023. Sau khi kết hôn, vợ chồng không hòa thuận, hạnh phúc đến ngày 20-03-2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh N hay uống rượu đập phá và chửi bới chị C. Từ ngày 30-4-2023 vợ chồng đã sống ly thân cho đến nay.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị C đối với anh N, Hội đồng xét xử nhận thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị C và anh N xuất phát từ tính tình vợ chồng không hợp, sau khi kết hôn được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn do anh N hay uống rượu đập phá và chửi bới chị C. Nay chị C nhận thấy tình cảm của chị đối với anh N không còn nên chị đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và cho chị được ly hôn với anh N. Quá trình giải quyết vụ án, anh N đã biết việc chị C xin ly hôn nhưng không đến Tòa án làm việc, không gửi văn bản ý kiến của mình cho Tòa án, chứng tỏ bản thân anh N cũng không còn nguyện vọng mong muốn tiếp tục chung sống với chị C. Mặt khác, qua xác minh bà Nguyễn Thị V (mẹ đẻ anh N) trình bày, anh N và chị C có đăng ký kết hôn, sau khi kết hôn

được khoảng một tháng thì vợ chồng mâu thuẫn, nay việc ly hôn là quyền của anh N và chị C bà không có ý kiến gì. Từ những phân tích trên, xác định mâu thuẫn giữa chị C và anh N đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị C đối với anh N là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] *Về con chung*: Vợ chồng không có con chung.

[5] *Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản*: Chị Nguyễn Thị C xác nhận vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh N không có ý kiến gì về tài sản và nghĩa vụ tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Chị Nguyễn Thị C phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[7] *Về quyền kháng cáo*: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1, khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị C và anh Bùi Trung N.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Chị Nguyễn Thị C phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai số 0004907 ngày 10-11-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Trực. Chị C đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

#### **Nơi nhận:**

- Đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện + tỉnh;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã Nghĩa An;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Thúy Nga**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ      THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thế B      Phạm Văn Q**